

GIẢI PHÁP CẢI THIỆN CƠ CẤU HÀNG HÓA NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG ASEAN

● NGUYỄN PHÚC NAM

TÓM TẮT:

Cùng với thực hiện lộ trình giảm thuế theo cam kết trong ASEAN, nhập khẩu (NK) hàng hóa của Việt Nam từ ASEAN tăng nhanh trong giai đoạn 2015-2020, theo đó cán cân thương mại của Việt Nam với ASEAN càng thêm thâm hụt. Bên cạnh những mặt tích cực, cơ cấu NK hàng hóa của Việt Nam với thị trường ASEAN cũng bộc lộ một số hạn chế. Bài viết dưới đây phân tích tình hình NK hàng hóa từ ASEAN, đánh giá những mặt tích cực và hạn chế trong cơ cấu NK, trên cơ sở đó đưa ra một số khuyến nghị về chính sách đối với cơ quan quản lý và khu vực doanh nghiệp trong nước.

Từ khóa: nhập khẩu, cơ cấu hàng hóa nhập khẩu, ASEAN.

1. Đặt vấn đề

Nâng cao hiệu quả hợp tác thương mại với ASEAN là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng, giúp Việt Nam khai thác tốt hơn thị trường ASEAN và đảm bảo giảm thiểu bất lợi, thua thiệt trong tiến trình hội nhập kinh tế ngày càng sâu trong ASEAN. NK từ ASEAN cần đảm bảo cung ứng hàng hóa tư liệu sản xuất, hàng hóa đầu vào cho nền kinh tế phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Nhưng đồng thời, NK cũng phải được quản lý hiệu quả bằng các công cụ vĩ mô để đảm bảo cơ hội và không gian phát triển cho các ngành sản xuất trong nước và hàng hóa nội địa. Để duy trì một cán cân thương mại lành mạnh, hợp lý với ASEAN, đảm bảo tiến trình hội nhập ASEAN mang lại lợi ích thực sự cho nền kinh tế, một yêu

cầu quan trọng được đặt ra là phải cải thiện cơ cấu NK hàng hóa từ thị trường ASEAN.

2. Tình hình và cơ cấu hàng hóa NK từ ASEAN giai đoạn 2015 - 2020

2.1. Tình hình NK hàng hóa của Việt Nam từ ASEAN

Trong những năm qua, Việt Nam đã chung tay xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) với tinh thần chủ động, tích cực và có trách nhiệm. Việt Nam đã thể hiện quyết tâm và dành nỗ lực cao nhất để triển khai các cam kết, chương trình, sáng kiến hướng tới mục tiêu hiện thực hóa AEC. Đáng chú ý, Việt Nam là một trong hai quốc gia có tỷ lệ thực hiện cao nhất các biện pháp ưu tiên trong Kế hoạch tổng thể xây dựng AEC. Theo cam kết trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN, Việt Nam đã cắt giảm về 0% đối với

93% số dòng thuế tính đến ngày 01/01/2015 và hoàn thành lộ trình cắt giảm thuế với 98% số dòng thuế về 0% vào năm 2018. Với việc thực hiện lộ trình cắt giảm thuế, NK từ ASEAN tiếp tục gia tăng trong giai đoạn 2015 - 2019. (Bảng 1)

Kim ngạch NK (KNNK) hàng hóa của Việt Nam từ ASEAN tăng từ 23,8 tỷ USD năm 2015 lên 32,3 tỷ USD năm 2019, và giảm xuống 30,5 tỷ USD năm 2020 do tác động của đại dịch Covid-19. Tốc độ tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2015-2019 đạt 7,9%, nếu tính cả năm 2020 thì tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 5,1%/năm. Trong giai đoạn này, ASEAN luôn giữ vị trí là đối tác

NK lớn thứ ba của Việt Nam, sau Trung Quốc và Hàn Quốc. Tuy nhiên, tỷ trọng của ASEAN trong cơ cấu thị trường NK của Việt Nam đã có sự suy giảm nhẹ, từ 14,4% năm 2015 xuống còn 11,6% năm 2020, do Việt Nam đa dạng hóa nguồn NK.

Trong giai đoạn 2015 - 2020, các mặt hàng NK của Việt Nam từ thị trường ASEAN chủ yếu là hàng hóa công nghiệp chế tạo, gồm máy móc thiết bị; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; xăng dầu; ô tô và linh kiện, phụ tùng ô tô; chất dẻo nguyên liệu; hàng điện gia dụng và linh kiện; hóa chất và sản phẩm hóa chất; than đá; sắt thép... (Bảng 2)

Bảng 1. NK của Việt Nam từ ASEAN giai đoạn 2015 - 2020

Đơn vị tính: triệu USD

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Kim ngạch NK từ ASEAN	23.785,9	24.085,9	28.363,3	31.880,0	32.260,6	30.466,6
Tăng trưởng	3,78%	1,26%	17,76%	12,40%	1,19%	-5,56%

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Bảng 2. 15 mặt hàng NK có kim ngạch lớn từ ASEAN

Đơn vị tính: triệu USD (kim ngạch); % (tỷ trọng)

STT	Năm 2015			Năm 2020		
	Mặt hàng	KNNK	Tỷ trọng	Mặt hàng	KNNK	Tỷ trọng
1	Xăng dầu các loại	3.576,2	15,0	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	4.604,2	15,1
2	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	3.434,4	14,4	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	2.684,3	8,8
3	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	1.868,9	7,9	Xăng dầu các loại	1.866,8	6,1
4	Chất dẻo nguyên liệu	1.221,8	5,1	Ô tô nguyên chiếc các loại	1.511,7	5,0
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	963,0	4,1	Chất dẻo nguyên liệu	1.372,7	4,5
6	Hàng điện gia dụng và linh kiện	916,6	3,9	Hàng điện gia dụng và linh kiện	1.192,8	3,9
7	Linh kiện, phụ tùng ô tô	769,0	3,2	Kim loại thường khác	1.078,0	3,5
8	Hóa chất	751,1	3,2	Hóa chất	1.051,4	3,5
9	Sản phẩm hóa chất	618,7	2,6	Linh kiện, phụ tùng ô tô	965,8	3,2
10	Giấy các loại	582,8	2,5	Sản phẩm hóa chất	826,2	2,7
11	Dầu mỡ động thực vật	517,1	2,2	Dầu mỡ động thực vật	796,8	2,6

STT	Năm 2015			Năm 2020		
	Mặt hàng	KNNK	Tỷ trọng	Mặt hàng	KNNK	Tỷ trọng
12	Sản phẩm khác từ dầu mỏ	492,7	2,1	Than đá	786,6	2,6
13	Ô tô nguyên chiếc các loại	475,7	2,0	Cao su	720,1	2,4
14	Kim loại thường khác	448,5	1,9	Sắt thép các loại	530,8	1,7
15	Sản phẩm từ chất dẻo	357,1	1,5	Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	506,8	1,7
16	Hàng hóa khác	6.814,2	28,6	Hàng hóa khác	9.972,4	32,7
	Tổng KNNK	23.807,8	100,0	Tổng	30.467,2	100,0

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Phần lớn các mặt hàng NK từ ASEAN là các mặt hàng tư liệu sản xuất như máy móc thiết bị; nhiên liệu; nguyên liệu; vật tư đầu vào... phục vụ nhu cầu thị trường trong nước. Thị trường ASEAN giữ vai trò là một trong những nguồn cung ứng quan trọng các mặt hàng đầu vào cho một số ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ của Việt Nam như điện tử, ô tô, cơ khí, nhựa, cao su, thực phẩm, điện, xây dựng...

2.2. Cơ cấu hàng hóa NK của Việt Nam từ ASEAN

Năm 2015, NK nhóm hàng hóa công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 65,2%; nhóm hàng hóa nông, lâm, thủy sản chiếm 3,1%; nhóm hàng hóa nhiên liệu, khoáng sản chiếm 20,2%; nhóm hàng

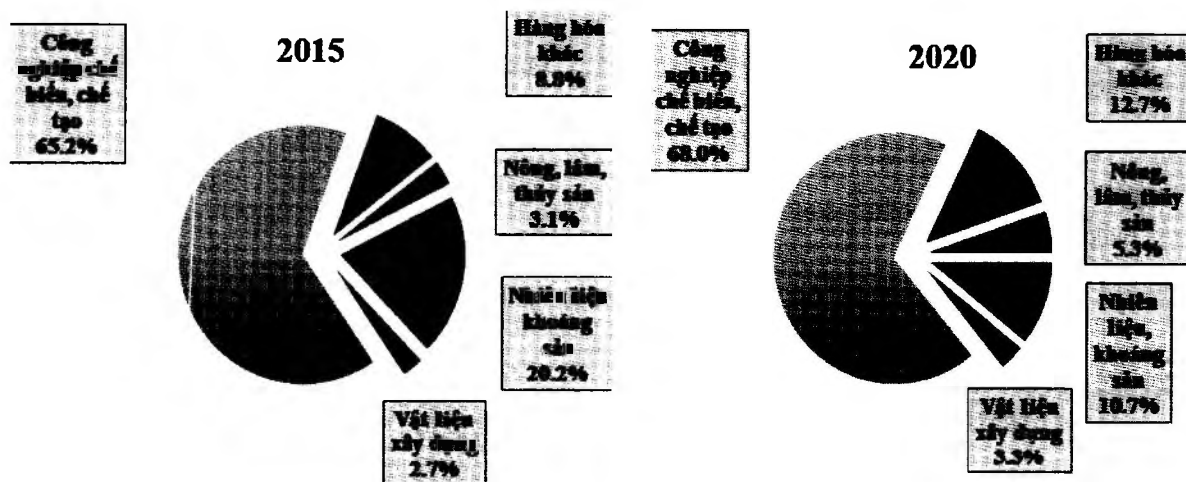
hóa vật liệu xây dựng chiếm 2,7% tổng giá trị NK từ ASEAN. (Hình 1)

Đến năm 2020, cơ cấu hàng hóa NK từ ASEAN của Việt Nam đã có sự chuyển dịch. Tỷ trọng của nhóm hàng hóa công nghiệp chế biến, chế tạo tăng lên 68%. Nhóm hàng hóa nhiên liệu, khoáng sản giảm xuống còn 10,7% chủ yếu do Việt Nam đã dần tự túc được xăng dầu và giảm NK từ bên ngoài. Tỷ trọng của nhóm hàng hóa nông, lâm, thủy sản tăng lên 5,3%. Tỷ trọng của nhóm hàng hóa vật liệu xây dựng tăng nhẹ lên 3,3%.

(i) Nhóm hàng hóa công nghiệp chế biến, chế tạo

Nhóm hàng hóa công nghiệp chế biến, chế tạo luôn chiếm khoảng 2/3 tổng giá trị NK hàng hóa từ ASEAN. Sự gia tăng cả về kim ngạch và tỷ

Hình 1: Cơ cấu hàng hóa NK từ ASEAN



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

trọng của nhóm hàng này là nguyên nhân chính khiến nhập siêu từ ASEAN tiếp tục gia tăng. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, nhập siêu của Việt Nam từ ASEAN tăng từ 5,6 tỷ USD năm 2015 lên 7,3 tỷ USD năm 2020. Hàng hóa công nghiệp chế biến, chế tạo cũng là nhóm hàng Việt Nam có nhập siêu lớn từ ASEAN, với kim ngạch nhập siêu nhóm này là 5,8 tỷ USD năm 2015 và 8,1 tỷ USD năm 2020 (năm 2015, kim ngạch NK hàng hóa công nghiệp chế biến, chế tạo từ ASEAN đạt 15,5 tỷ USD, trong khi kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng này sang ASEAN đạt 9,7 tỷ USD sang ASEAN. Năm 2020, các con số tương ứng là 20,9 tỷ USD và 12,8 tỷ USD).

Những mặt hàng NK nhiều nhất năm 2020 là: (i) máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; (ii) máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; (iii) ô tô nguyên chiếc và linh kiện, phụ tùng ô tô; (iv) chất dẻo nguyên liệu; (v) hàng điện gia dụng và linh kiện. Năm nhóm sản phẩm này chiếm 40,5% tổng giá trị NK từ ASEAN và 59% tổng giá trị nhóm hàng hóa công nghiệp chế biến, chế tạo NK từ ASEAN.

Năm 2020, NK máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng từ ASEAN tăng cả về giá trị tuyệt đối và tỷ trọng so với năm 2015. Hai nhóm hàng này là những mặt hàng cần thiết NK, được NK chủ yếu bởi các doanh nghiệp FDI, để phục vụ cho sản xuất hàng hóa tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, các doanh nghiệp FDI tăng NK linh kiện điện tử, linh kiện ô tô, phụ tùng máy móc cũng khiến các doanh nghiệp công nghệ trong nước ít có cơ hội phát triển và cạnh tranh với các đối thủ bên ngoài trong cung ứng các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho các doanh nghiệp FDI.

NK ô tô nguyên chiếc từ ASEAN tăng mạnh cả về giá trị và tỷ trọng. Năm 2015, NK ô tô mới đạt 475,6 triệu USD, nhưng đến năm 2019 đã đạt 2,1 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng trung bình cho giai đoạn 2015 - 2019 là 35%/năm. Năm 2020, giá trị NK ô tô giảm xuống 1,5 tỷ USD do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhưng vẫn chiếm 5% tổng NK từ ASEAN. Do Việt Nam giảm thuế NK ô tô sản xuất tại các nước ASEAN từ 40% xuống 30% năm 2017 và về 0% từ năm 2018 theo cam kết trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN, NK ô tô từ ASEAN tăng mạnh vài năm gần đây. NK hàng điện

gia dụng và linh kiện tiếp tục gia tăng về giá trị tuy tỷ trọng không thay đổi giữa hai mốc thời gian 2015 và 2020. Sắt thép; chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh cũng mới góp mặt vào nhóm 15 mặt hàng NK lớn nhất của Việt Nam từ ASEAN.

Ô tô, hàng điện gia dụng, sắt thép, chất thơm, chế phẩm vệ sinh,... là những mặt hàng trong nước đã sản xuất được, thuộc diện không khuyến khích, không cần thiết NK. Ngoài ra, còn nhiều mặt hàng khác thuộc nhóm hàng hóa công nghiệp chế biến, chế tạo là những mặt hàng mà nguồn cung trong nước đã có thể đáp ứng nhu cầu, không nhất thiết NK, nhưng vẫn đang được nhập về từ thị trường ASEAN như giấy và các sản phẩm từ giấy; sản phẩm nhựa; chế phẩm thực phẩm khác; bánh kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc, thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh, sản phẩm nội thất bằng gỗ... Tổng giá trị NK của những mặt hàng này lên tới 5,1 tỷ USD năm 2020, chiếm 24,3% tổng giá trị nhóm hàng hóa công nghiệp chế biến, chế tạo NK từ ASEAN và 17% tổng giá trị NK hàng hóa từ ASEAN. (Bảng 3)

(ii) Nhóm hàng hóa nông, lâm, thủy sản

Năm 2020, giá trị NK từ ASEAN đạt 1,5 tỷ USD, tăng 200% so với năm 2015 (740,2 triệu USD). Các mặt hàng NK từ ASEAN chủ yếu gồm: cao su (720,1 triệu USD), hạt điều (367,4 triệu USD), thủy sản (205,7 triệu USD), rau quả (189,1 triệu USD, chủ yếu từ Thái Lan (78 triệu USD)), ngô (12,6 triệu USD), đậu tương (7,2 triệu USD). Trong nhóm này, thủy sản và rau quả chiếm 26% tổng kim ngạch NK của cả nhóm từ ASEAN.

(iii) Nhóm hàng hóa nhiên liệu, khoáng sản

NK từ ASEAN giảm từ 4,8 tỷ USD năm 2015 xuống 3,25 tỷ USD năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do Việt Nam giảm NK xăng dầu (giảm từ 3,6 tỷ USD năm 2015 xuống 1,9 tỷ USD năm 2020). Các nhà máy lọc dầu trong nước đã đi vào vận hành và cung ứng đủ cho nhu cầu trong nước. Trong cơ cấu NK nhóm hàng này năm 2020, xăng dầu là mặt hàng lớn nhất, chiếm 57% tổng giá trị NK nhóm hàng hóa nhiên liệu, khoáng sản từ ASEAN. Tiếp theo là than đá chiếm 24%, sản phẩm từ dầu mỏ khác chiếm 10%, khí đốt hóa lỏng chiếm 3%, dầu thô chiếm 2,6%, quặng và khoáng sản khác chiếm 2,5%. Nhìn chung, các mặt hàng trong nhóm nhiên liệu, khoáng sản được

Bảng 3. Một số mặt hàng NK từ ASEAN có thể thay thế bằng nguồn cung trong nước

Mặt hàng không cần thiết NK từ ASEAN	2015			2020		
	KN NK (triệu USD)	Tỷ trọng trong nhóm chế biến, chế tạo	Tỷ trọng trong tổng KN NK từ ASEAN	KN NK (triệu USD)	Tỷ trọng trong nhóm chế biến, chế tạo	Tỷ trọng trong tổng KN NK từ ASEAN
Ô tô nguyên chiếc	475,7	3,1%	2,0%	1.511,7	7,2%	5,0%
Hàng điện gia dụng và linh kiện	916,6	5,9%	3,8%	1.192,8	5,7%	3,9%
Giấy các loại và sản phẩm từ giấy	684,9	4,4%	2,9%	571,3	2,7%	1,9%
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	354,7	2,3%	1,5%	506,8	2,4%	1,7%
Sản phẩm nhựa	357,1	2,3%	1,5%	450,4	2,2%	1,5%
Chế phẩm thực phẩm khác	201,3	1,3%	0,8%	363,1	1,7%	1,2%
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	161,1	1,0%	0,7%	208,0	1,0%	0,7%
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	77,3	0,5%	0,3%	157,2	0,8%	0,5%
Sản phẩm nội thất	68,6	0,4%	0,3%	87,2	0,4%	0,3%
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	7,1	0,0%	0,0%	19,4	0,1%	0,1%
...						
Tổng KNNK nhóm chế biến chế tạo từ ASEAN	15.491,0	100,0%	65,1%	20.888,0	100,0%	68,6%
Tổng KNNK từ ASEAN	23.807,8		100,0%	30.467,2		100,0%

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

NK từ ASEAN về Việt Nam đều là các mặt hàng cần thiết NK, để phục vụ nhu cầu các ngành sản xuất và hộ tiêu dùng trong nước.

(iv) Nhóm hàng hóa vật liệu xây dựng

NK từ ASEAN tăng từ 654,6 triệu USD năm 2015 lên 1 tỷ USD năm 2020, gồm chủ yếu là sắt thép và sản phẩm sắt thép, dây và cáp điện. Trong nhóm hàng này cũng có những sản phẩm trong nước đã sản xuất được và không cần thiết NK như dây cáp điện, các loại thép xây dựng thông thường (thép thanh, sợi, cáp thép dự ứng lực, một số loại thép góc, thép hình, ống thép...), thép cuộn cán nguội, thép không gỉ cán nguội... Trong 10 năm trở lại đây, ngành thép Việt Nam đã có những bước tiến lớn, đứng thứ 14 trên thế giới xét về sản lượng năm 2020. Tuy nhiên, theo Hiệp hội Thép Việt Nam, chủng loại thép sản xuất trong nước hiện vẫn là các loại thép thông thường dùng trong xây dựng, phục vụ đại trà với nhu cầu xã hội rất lớn [5]. Còn với thép hợp kim và thép đặc

chúng dùng để chế tạo máy móc, hiện Việt Nam vẫn chưa phát triển do các sản phẩm thép này đòi công nghệ phức tạp, đầu tư rất lớn, chủng loại nhiều nhưng dung lượng thị trường lại nhỏ, dẫn tới hiệu quả sản xuất kém.

3. Đánh giá về cơ cấu hàng hóa NK từ ASEAN

Cơ cấu hàng hóa NK phản chiếu nhu cầu NK của nền kinh tế, đồng thời cho thấy trình độ phát triển, lợi thế so sánh của các ngành sản xuất trong nước. Để phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Việt Nam vẫn cần phải NK nhiều mặt hàng máy móc thiết bị, nguyên liệu, vật tư đầu vào cho sản xuất trong nước. Những năm gần đây, khu vực châu Á - Thái Bình đã trở thành một trong những trung tâm chế tạo hàng đầu thế giới đối với một số lĩnh vực như điện tử, ô tô, dệt may, giày dép, thủy sản, đồ gỗ. Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế khu vực, thông qua sự tham gia trong những mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Do trình độ phát triển, sự tham gia của Việt Nam hiện đang tập trung chủ yếu ở các hoạt động sản xuất ở công đoạn “hạ nguồn” (gia công, lắp ráp) nên có nhu cầu NK lớn đối với các sản phẩm chế tạo ở dạng linh kiện, bộ linh kiện, phụ tùng, vật liệu, sản phẩm trung gian, hàng hóa bán thành phẩm.

Mặt tích cực

Trong giai đoạn 2015-2020, cơ cấu hàng hóa NK từ ASEAN dịch chuyển theo hướng gia tăng tỷ trọng của nhóm hàng chế biến, chế tạo (từ 65,2% năm 2015 lên 68% năm 2020). Trong nhóm hàng hóa công nghiệp chế biến, chế tạo, có nhiều mặt hàng là hàng hóa cần thiết NK, gồm có máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; kim loại thường; phân bón; thuốc trừ sâu; thức ăn gia súc và nguyên liệu; hóa chất và sản phẩm hóa chất; chất dẻo nguyên liệu; dầu thực vật...

Sự gia tăng NK nhóm hàng này đã góp phần tích cực vào việc cung ứng tư liệu sản xuất, vật tư, nguyên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp, thủy sản... để gia tăng sản xuất, phục vụ nhu cầu trong nước và để mở rộng xuất khẩu. Một trong những đặc điểm nổi bật của nền sản xuất ở Việt Nam hiện nay là chưa phát triển được các ngành công nghiệp hỗ trợ bản địa. Do đó, các ngành công nghiệp chế biến, chế

tạo của Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào nguồn cung cấp hàng hóa trung gian, nguyên phụ liệu, linh kiện đầu vào NK, đặc biệt là các ngành công nghiệp chủ lực như điện tử; dệt may; da giày-túi xách; sản xuất, lắp ráp ô tô,...

Bên cạnh Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan, ASEAN hiện vẫn là một trong những nguồn cung quan trọng nhất. Điều này cũng phù hợp với xu hướng gia tăng của toàn cầu hóa, phân công lao động quốc tế và sự phân chia công đoạn sản xuất trong các chuỗi giá trị khu vực. Singapore, Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan là những quốc gia đi trước Việt Nam trong mở cửa hội nhập, thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển các ngành chế biến, chế tạo. Các ngành cơ khí, ô tô, điện tử, điện gia dụng, hóa chất, hóa dầu, sắt thép, nhựa, thực phẩm chế biến, dầu ăn... của những nước này đã trải qua cả một quá trình hình thành và phát triển từ nhiều thập kỷ. Nhiều công ty đa quốc gia đã đặt trung tâm sản xuất/chế tạo của khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương tại những nước này, từ đó mở rộng mạng lưới cung ứng, chuỗi giá trị sang các địa bàn, khu vực xung quanh.

Khi đầu tư mở nhà máy tại Việt Nam, các cơ sở sản xuất của họ ở những nước ASEAN nêu trên là nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện và các sản phẩm trung gian khác để thực hiện các công đoạn chế tạo, gia công, lắp ráp tiếp theo tại Việt Nam. Vì thế, khi đầu tư nước ngoài vào Việt Nam ngày càng tăng thì NK các mặt hàng như chất dẻo nguyên liệu, linh kiện điện tử, linh kiện ô tô, máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng, nguyên phụ liệu dệt may, da giày từ các nước ASEAN nêu trên cũng sẽ tăng. Thậm chí cả các doanh nghiệp 100% vốn trong nước cũng cần NK những mặt hàng này khi Việt Nam chưa phát triển được các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất, nhu cầu NK những mặt hàng này vẫn là tất yếu. Nền kinh tế Việt Nam có đặc điểm hướng về xuất khẩu, nên việc NK những mặt hàng này có vai trò hết sức quan trọng, giúp gia tăng năng lực xuất khẩu và đóng góp vào thành tích xuất khẩu của Việt Nam trong những năm qua. Nhập siêu từ ASEAN xem xét ở một góc độ tích cực thì đó là điều kiện để có xuất siêu với các khu vực thị trường khác như EU, Bắc Mỹ.

Tỷ trọng của nhóm hàng hóa nông, lâm, thủy sản tăng từ 3,1% năm 2015 lên 5% năm 2020. Đây cũng không phải là điều đáng lo ngại mà có thể xem là xu hướng tích cực khi phân tích sâu hơn vào các mặt hàng NK cụ thể. Trong nhóm này, sự gia tăng chủ yếu tập trung vào các mặt hàng cần thiết NK, để phục vụ các ngành công nghiệp chế biến hướng ra xuất khẩu và để tái xuất sang thị trường ngoài ASEAN, như Trung Quốc, vốn là thị trường tiêu thụ khổng lồ đối với các mặt hàng nông, lâm, thủy sản. Hai mặt hàng cao su, hạt điều chiếm tới 72% tổng giá trị NK của nhóm hàng hóa nông, lâm, thủy sản, được nhập về chủ yếu cho mục đích chế biến xuất khẩu. Trong số các mặt hàng nông sản NK, trái cây được nhập chủ yếu từ Thái Lan (gồm các loại quả như nhãn, chôm chôm, sầu riêng, măng cụt). Phần lớn trái cây NK từ Thái Lan (trên 90%) để tái xuất sang Trung Quốc. Hạt điều thô được NK nhiều từ Cam-pu-chia để phục vụ chế biến xuất khẩu. Thủy sản nguyên liệu NK từ Indonesia, Thái Lan cũng để phục vụ chế biến xuất khẩu. Ngô, đậu tương, đỗ hạt các loại là những sản phẩm mà sản xuất trong nước không có nhiều lợi thế, được nhập chủ yếu từ Myanmar, Thái Lan, để phục vụ cho ngành chăn nuôi và chế biến thực phẩm của Việt Nam. Cao su chủ yếu NK từ Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan, Indonesia, Malaysia, phần lớn trong đó được tái xuất sang Trung Quốc và các thị trường khác tại Đông Bắc Á.

Trong cơ cấu nhóm hàng hóa nhiên liệu, khoáng sản NK từ ASEAN, NK xăng dầu giảm về cả giá trị và tỷ trọng, trong khi NK than đá gia tăng. Xu hướng này phản ánh đúng nhu cầu của nền kinh tế Việt Nam. Ngành lọc hóa dầu trong nước đã dần đáp ứng được nhu cầu thị trường. Than đá là sản phẩm nhiên liệu đầu vào của các nhà máy nhiệt điện than. Trong giai đoạn 2015-2020, một số nhà máy nhiệt điện than đi vào hoạt động, lượng than khai thác trong nước ngày càng khó khăn, Việt Nam phải tăng NK than từ bên ngoài. Indonesia là một trong 4 thị trường NK than có nhiều tiềm năng nhất của Việt Nam.

Mặt hạn chế

Trong giai đoạn 2015-2020, nhập siêu từ ASEAN tiếp tục tăng và chưa có dấu hiệu được cải thiện. Trong giai đoạn hiện nay, việc NK các

mặt hàng linh kiện, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu từ ASEAN để phục vụ các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong nước là cần thiết. Tuy nhiên, về lâu dài, điều này cho thấy điểm yếu của nền kinh tế Việt Nam hiện nay là vẫn phải phụ thuộc lớn vào thị trường bên ngoài đối với hàng hóa tư liệu sản xuất, năng lực chế tạo trong nước còn hạn chế, các ngành công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển.

Mặc dù thời gian qua đã có không ít những chính sách khuyến khích, thúc đẩy phát triển của công nghiệp hỗ trợ được ban hành, nhưng theo các doanh nghiệp, phần lớn các chính sách này chỉ mang ý nghĩa động viên về tinh thần do rất khó tiếp cận. Thế nên, rất ít doanh nghiệp trong nước đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, hoặc nếu có đầu tư thì đa phần cũng không đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài do sản phẩm công nghiệp hỗ trợ còn đơn giản, hàm lượng công nghệ trung bình và thấp, có giá trị nhỏ trong sản phẩm [4].

Trong cơ cấu hàng hóa NK từ ASEAN, những mặt hàng không cần thiết NK, hoặc cần hạn chế NK do trong nước đã sản xuất được và để tạo cơ hội phát triển cho các ngành sản xuất trong nước vẫn còn chiếm tỷ trọng đáng kể. Trong số đó có thể kể đến ô tô; hàng điện gia dụng và linh kiện, sắt thép, giấy, sản phẩm nhựa, sản phẩm gỗ, chất tẩy rửa, bánh kẹo, thực phẩm, đường mía, bột ngọt, thủy tinh, phân bón... Thời gian qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực về chính sách và cơ chế để phát triển ngành công nghiệp ô tô bản địa và các ngành phụ trợ liên quan, cũng như thu hút thêm các hãng ô tô lớn đặt trung tâm chế tạo tại Việt Nam. Tuy nhiên, do thực hiện cam kết cắt giảm thuế trong ASEAN, NK ô tô từ ASEAN tăng mạnh kể từ năm 2017 và đặc biệt là năm 2018 khi mức thuế NK về 0%. Giá trị NK ô tô từ ASEAN tăng từ 475 triệu USD năm 2015 lên 2,15 tỷ USD năm 2019 và 1,5 tỷ USD năm 2020. NK ô tô từ ASEAN (chủ yếu từ Thái Lan và Indonesia) tăng trung bình 46% giai đoạn 2015 - 2019.

Trong thương mại quốc tế, để bảo vệ các ngành sản xuất trong nước, tạo cơ hội cho các ngành sản xuất trong nước phát triển, các quốc gia đã sử dụng khá nhiều các biện pháp như áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, biện pháp vệ sinh dịch tễ,

biện pháp phòng vệ thương mại và các biện pháp phi thuế quan khác. Trong thời gian qua, Việt Nam chưa tận dụng tốt những quy định về trường hợp ngoại lệ hoặc các biện pháp kỹ thuật được cho phép trong WTO và ASEAN để thực hiện hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát NK nhằm mục tiêu hỗ trợ các ngành sản xuất trong nước phát triển.

Các biện pháp phòng vệ thương mại như chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ, gần đây là chống lẩn tránh xuất xứ hay chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại là những công cụ quan trọng, hợp pháp được WTO và các hiệp định FTA cho phép sử dụng để chống lại các hành vi cạnh tranh không công bằng trong thương mại quốc tế và ngăn chặn hàng hóa NK gia tăng đột biến, gây thiệt hại nghiêm trọng cho sản xuất trong nước. Trong khi đó, các nước như Philippines, Thái Lan, Indonesia, đã liên tục áp dụng các biện pháp kỹ thuật và biện pháp phòng vệ thương

Với Việt Nam, việc áp dụng các biện pháp này vừa là để bảo vệ sản xuất và việc làm trong nước, đồng thời giảm mức độ phụ thuộc vào hàng hóa NK (đặc biệt đối với các hàng hóa thiết yếu của nền kinh tế như sắt thép, phân bón, sản phẩm nhựa, sản phẩm giấy, đường, sữa...), góp phần giữ vững sản xuất trong nước và thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

4. Khuyến nghị một số giải pháp cải thiện cơ cấu hàng hóa NK của Việt Nam với thị trường ASEAN

4.1. Về phía các cơ quan quản lý nhà nước

Thứ nhất, xây dựng, thực thi chính sách thương mại phù hợp với thị trường ASEAN.

- Xây dựng và thực thi chiến lược phát triển thị trường ASEAN, trong đó đưa ra các định hướng, xác định các mục tiêu, biện pháp và nhiệm vụ cụ thể nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu NK của Việt Nam từ thị trường ASEAN theo hướng hợp lý, tối ưu hóa, giảm tỷ trọng của nhóm hàng không cần thiết NK.

- Tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý, xúc tiến thương mại trong rà soát, định hướng, cung cấp thông tin hướng dẫn cho doanh nghiệp về thị trường và mặt hàng trọng điểm cần NK, có thể NK từ ASEAN nhằm nâng cao hiệu quả NK từ thị trường ASEAN.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý NK. Sử dụng các biện pháp kỹ thuật, các biện pháp phòng vệ thương mại và các biện pháp phi thuế quan khác như kiểm tra tại nhà máy, yêu cầu truy xuất nguồn gốc hàng hóa NK...

- Theo dõi sát tình hình NK hàng hóa, đặc biệt là các mặt hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, sản phẩm gia dụng từ các nước ASEAN, trong đó lưu ý các đối tác Việt Nam có nhập siêu lớn. Tăng cường các hoạt động điều tra, xử lý các trường hợp có hành vi cạnh tranh không công bằng trong thương mại quốc tế và ngăn chặn hàng hóa NK gia tăng đột biến, gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước bằng các biện pháp phòng vệ thương mại. Kiện toàn bộ máy cơ quan điều tra phòng vệ thương mại và tăng cường nguồn lực cho công tác phòng vệ thương mại theo hướng đảm bảo thực thi nhiệm vụ hiệu quả. Chú trọng đào tạo về phòng vệ thương mại cho ngành sản xuất trong nước, đặc biệt là các hiệp hội và cộng đồng doanh nghiệp để các ngành sản xuất, hiệp hội, doanh nghiệp có thể chủ động hơn trong việc khởi kiện, đề nghị cơ quan chức năng tiến hành điều tra phòng vệ thương mại.

- Xây dựng và thực thi hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành công nghiệp phù hợp để bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng trong nước; tăng cường công tác khảo sát, kiểm tra chất lượng hàng công nghiệp NK và sử dụng các hàng rào kỹ thuật để bảo vệ hợp lý thị trường nội địa phù hợp với các cam kết và thông lệ quốc tế.

Thứ hai, chú trọng xây dựng, phát triển lợi thế so sánh cho các ngành sản xuất của Việt Nam, đặc biệt là các ngành sản xuất hàng hóa thay thế NK và các ngành sản xuất theo xu thế mới có nhiều tiềm năng phát triển như thực phẩm chức năng, nông nghiệp công nghệ cao, vật liệu mới, thiết bị y tế,... Lợi thế so sánh là một trong những điều kiện quan trọng để các quốc gia tham gia vào thương mại quốc tế. Lợi thế so sánh giúp các quốc gia vượt qua sự cạnh tranh của đối thủ, giúp chiếm lĩnh, mở rộng cả thị trường nội địa và thị trường ngoài nước. Việt Nam cần tạo môi trường chính sách thuận lợi để phát huy các ngành sản xuất, các mặt hàng có lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh.

Do các nước ASEAN có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam về cơ cấu sản xuất và xuất

khẩu, việc xác định và tạo điều kiện phát triển các ngành hàng, mặt hàng có lợi thế so sánh, mặt hàng thay thế NK là hết sức quan trọng. Để phát triển các ngành sản xuất, Nhà nước cần có chính sách thúc đẩy thương mại hóa công nghệ, phát triển thị trường khoa học công nghệ, xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, thúc đẩy kết nối viện-trường-doanh nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận, ứng dụng khoa học công nghệ.

Thứ ba, chính sách công nghiệp trong thời gian tới cần đặt trọng tâm vào phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ như hóa chất, nhựa, cơ khí, dệt, vật liệu, linh kiện điện tử, linh kiện phụ tùng ô tô,... Để phát triển công nghiệp hỗ trợ, bên cạnh các chính sách ưu đãi, khuyến khích, cần có cách tiếp cận mới trong quản lý và thu hút đầu tư để đảm bảo các doanh nghiệp FDI có sự liên kết và chuyển giao công nghệ cũng như tạo ra những tác động lan tỏa đến doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ bản địa. Cần tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp hạ nguồn (các ngành sản xuất, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh) để thị trường cho công nghiệp hỗ trợ trong nước tiếp tục được duy trì và mở rộng, tạo tiền đề để các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung cấp, tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp sản phẩm cuối cùng. Phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ sẽ góp phần cải thiện cơ cấu NK hàng hóa từ các nước ASEAN.

Thứ tư, tăng cường định hướng tiêu dùng, thực hiện các biện pháp thích hợp để khuyến khích,

vận động các tổ chức, doanh nghiệp và người dân sử dụng hàng Việt Nam. Tăng cường thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trong tình hình mới. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu quốc gia cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ Việt Nam chất lượng cao, được người tiêu dùng tin cậy.

4.2. Về phía doanh nghiệp

Là chủ thể chính của hoạt động thương mại với thị trường ASEAN, năng lực của doanh nghiệp là yếu tố quyết định sự thành công trong chuyển dịch cơ cấu NK hàng hóa từ ASEAN theo hướng hiệu quả, hợp lý. Các doanh nghiệp cần đầu tư, huy động nguồn lực để đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, chế biến, cải thiện sức cạnh tranh. Mỗi doanh nghiệp cũng cần tăng cường tính chủ động trong việc liên kết sản xuất - kinh doanh, tham gia sâu hơn và hiệu quả hơn vào các mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị trong khu vực. Doanh nghiệp cũng phải chủ động nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa sự hỗ trợ của Nhà nước để nâng cao năng lực cạnh tranh trong môi trường hội nhập, phát triển.

Các doanh nghiệp cần chủ động trang bị kiến thức cơ bản về pháp luật phòng vệ thương mại để nắm rõ quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời, thường xuyên trao đổi thông tin với các doanh nghiệp trong ngành, hiệp hội và cơ quan quản lý nhà nước để cùng xây dựng chiến lược khởi kiện cho cả ngành khi có hiện tượng gia tăng nhanh NK gây thiệt hại cho ngành ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Công Thương (2021), *Báo cáo Xuất NK Việt Nam 2020*, NXB. Công Thương.
2. Trịnh Thị Thanh Thủy (2011), *Phương hướng điều chỉnh cơ cấu thương mại Việt Nam đến năm 2020*, NXB. Thông tin và Truyền thông.
3. Economic Research Institute for ASEAN and East Asia. (2021). *Impact of the ASEAN Trade in Goods Agreement (ATIGA) on intra-ASEAN trade*. Jakarta, Indonesia: ERIA.
4. Mạnh Đức (2021), Mãi chưa giải được bài toán phụ thuộc vào nguyên liệu NK. Truy cập tại <https://vneconomy.vn/mai-chua-giai-duoc-bai-toan-phu-thuoc-vao-nguyen-lieu-nhap-khau-20210415105900352.htm>
5. Đức Dũng (2021), Việt Nam đang ở đâu trên bản đồ công nghiệp thép thế giới? Truy cập tại <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-dang-o-dau-tren-ban-do-cong-nghiep-thep-the-gioi/706349.vnp>

Ngày nhận bài: 8/10/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 30/10/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 12/11/2021

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN PHÚC NAM

Phó Vụ trưởng Vụ Thị trường châu Á - châu Phi

Bộ Công Thương

SOLUTIONS TO IMPROVE THE STRUCTURE OF VIETNAM'S IMPORTED GOODS FROM ASEAN COUNTRIES

● Master. **NGUYEN PHUC NAM**

Deputy Director, Asia-Africa Market Department
Ministry of Industry and Trade

ABSTRACT:

As Vietnam has implemented its ASEAN tax reduction roadmap, Vietnam's imported goods from ASEAN countries increased rapidly in the period 2015-2020 and Vietnam's trade deficit with ASEAN had continued to widen. Besides the positive aspects, the structure of Vietnam's imported goods from ASEAN countries has also revealed some limitations. This paper analyzes the situation of Vietnam's imported goods from ASEAN countries. Based on the paper's findings, some recommendations are proposed to state management agencies and domestic business sector.

Keywords: imports, structure of imported goods, ASEAN.